

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30 – 7 – 2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai
2. Ông Phạm Khoa Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 57/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 12/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2024/QĐST – HNGĐ ngày 25/7/2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1984

Địa chỉ: khu phố E, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước

* Bị đơn: ông Lưu Hoàng T, sinh năm: 1977

Địa chỉ: khu phố E, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2003, đến năm 2018 ly hôn. Sau đó đến năm 2021 vợ chồng đăng ký kết hôn lại tại UBND phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có sự quan tâm chia sẻ và yêu

thương, tôn trọng nhau. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai nữa. Bà H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông Lưu Hoàng T ly hôn.

Về con chung: Bà H và ông T có hai người con chung họ tên: Lưu Ngọc Quỳnh N, sinh năm: 2003 và Lưu An N1, sinh ngày 19/11/2000, khi ly hôn bà H có nguyện vọng nuôi con chung là cháu N1. Riêng cháu N đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên cha mẹ không phải nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con bà H không yêu cầu.

Về tài sản chung; nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lưu Hoàng T trình bày:

Ông và bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2003, đến năm 2018 ly hôn. Sau đó đến năm 2021 vợ chồng đăng ký kết hôn lại tại UBND phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do bà H không có sự tôn trọng ông, mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn bà H lại bỏ nhà đi. Với yêu cầu ly hôn của bà H thì ông đồng ý, tuy nhiên ông không đồng ý ký biên bản thuận tình ly hôn mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: ông thống nhất vợ chồng có hai người con chung là cháu Lưu Ngọc Quỳnh N, sinh năm: 2003 và Lưu An N1, sinh ngày 19/11/2000. Khi ly hôn ông T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Lưu An N1. Lý do ông yêu cầu nuôi dưỡng cháu An N1 là vì ông có nhà ở ổn định còn bà H hiện chưa có nơi ở ổn định. Mặc dù hiện nay ông T không có việc làm, không có thu nhập và bị bệnh tiểu đường nhưng ông vẫn có nguyện vọng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T cho rằng vợ chồng có số nợ chung tại Ngân hàng A chi nhánh P số tiền 330.000.000đ, ông yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả 130.000.000đ trong số nợ chung này. Tuy nhiên ông không nộp đơn yêu cầu cũng không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Tại phiên Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do hay sự kiện bất khả kháng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57; 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại thị xã P, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[1.2] Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông Lưu Hoàng T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Lưu Hoàng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước vào ngày 20/4/2021. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp.

Bà H và ông T đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là từ việc vợ chồng không có sự quan tâm, thấu hiểu và tôn trọng lẫn nhau. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình 2014 Hội đồng xét xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lưu Hoàng T.

[2.2] Về con chung: bà Nguyễn Thị H và ông Lưu Hoàng T có cháu Lưu Ngọc Quỳnh N, sinh năm: 2003 và Lưu An N1, sinh ngày 19/11/2000. Cháu Lưu Ngọc Quỳnh N đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên cha mẹ không phải nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Lưu An N1, sinh ngày 19/11/2000. Hội đồng xét xử xét thấy bà H có thu nhập (nhận làm kế toán cho các công ty, doanh nghiệp), có nơi ở ổn định (sống cùng cha mẹ đẻ tại khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước) và hiện tại cháu Lưu An N1 đang sống cùng bà H, cháu N1 còn nhỏ (sinh ngày 19/11/2000), là con gái nên rất cần sự chăm sóc của mẹ. Trong khoảng thời gian vợ chồng bà H ông T sống ly thân cháu N1 sống cùng bà H được phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần. Trong khi ông T hiện không có việc làm, bị bệnh tiểu đường (BL 16) nên việc giao cháu Lưu An N1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung: bà H và ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về nợ chung: bà H không yêu cầu, bị đơn đã được thông báo về việc nộp đơn yêu cầu và tiền tạm ứng án phí nhưng bị đơn không nộp đơn yêu cầu cũng như tạm ứng án phí theo quy định nên Tòa án không xét.

[3] Về quan điểm của Kiểm sát viên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với qui định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lưu Hoàng T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lưu An N1, sinh ngày 19/11/2020 cho bà Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Lưu Hoàng T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0003111 ngày 13/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Lưu Hoàng T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
 - VKSND thị xã Phước Long;
 - UBND phường Long Phước, tx Phước Long,
- BP (số 31, ngày 20/4/2021);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tịnh

